

Quài Nura, ngày 10 tháng 7 năm 2025

CÔNG KHAI

Thực hiện Thông tư 09/TT/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 về Quy định công khai trong các hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Trường Tiểu học số 1 Quài Nura công khai hoạt động của nhà trường như sau:

A. Mục 1. CÔNG KHAI CHUNG

I. Điều 4: THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường TH số 1 Quài Nura

2. Địa chỉ trụ sở chính: Bản Minh Thắng, xã Quài Nura, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên

Điện thoại: 0397461032; Email: thso1quainua.tg@dienbien.edu.vn

Website: <https://thso1qn.tuangiao.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu: Cơ sở giáo dục công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

4.1. Sứ mệnh

Trường tiểu học số 1 Quài Nura xác định không có gì quan trọng hơn sự nghiệp giáo dục trồng người. Chính vì vậy chúng tôi đã tạo dựng môi trường giáo dục hợp tác, thân thiện, toàn diện, có chất lượng giáo dục tốt. Ở đây, mỗi học sinh đều có cơ hội bộc lộ, phát triển những điểm mạnh của mình và hoàn thiện bản thân, mỗi giáo viên đều có cơ hội trở thành những giáo viên xuất sắc.

4.2. Tầm nhìn

Trường Tiểu học số 1 Quài Nura là một trong những ngôi trường có chất lượng giáo dục toàn diện đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình, nơi giáo viên và học sinh luôn năng động, sáng tạo và có khả năng vươn tới thành công.

4.3. Mục tiêu

Đến năm 2025, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

4.3.1. Chất lượng giáo dục:

Tiếp tục duy trì các tiêu chí của trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2, kiểm định chất lượng mức độ 2. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ và chất lượng giáo dục học sinh.

4.3.2. Trình độ chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên:

Trình độ chuyên môn giáo viên: Đạt chuẩn 100%.

4.3.3. Chất lượng học sinh:

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 100%;

Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%;

4.3.4. Thư viện và thiết bị dạy học

Duy trì thư viện đạt chuẩn theo quy định, và xây dựng một số tiêu chí của thư viện tiên tiến; mua sắm trang thiết bị dạy học đầy đủ, đáp ứng yêu cầu dạy và học của giáo viên và học sinh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường Tiểu học số 1 Quài Nưa được thành lập theo quyết định số 133b/QĐ-UB ngày 15 tháng 8 năm 2001. QĐ của UBND huyện về việc tách và thành lập trường, trên cơ sở chia tách từ trường THCS Quài Nưa. Trường có 01 điểm trường chính và 01 điểm trường lẻ. Điểm trường chính nằm tại bản Minh Thắng, xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; điểm trường lẻ cách trung tâm 3 km đặt tại Bản Chá xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Học sinh nhà trường đại đa số là người dân tộc thiểu số, con em gia đình thuần nông, hoàn cảnh còn nhiều khó khăn.

Trong những năm học gần đây, nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục để tu sửa, tôn tạo cảnh quan trường lớp thêm khang trang, sạch đẹp.

Cùng với việc đầu tư về cơ sở vật chất, nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt là công tác giáo dục mũi nhọn.

Từ năm 2001 đến nay nhà trường duy trì và phát huy các thành tích, luôn là lá cờ đầu về các phong trào thi đua của huyện Tuần Giáo. Chi bộ nhà trường nhiều năm liền được công nhận Chi bộ trong sạch vững mạnh. Tổ chức Công đoàn, Liên đội nhà trường được nhận nhiều giấy khen của các cấp. Nhà trường làm tốt công tác bồi dưỡng đội ngũ, chính vì vậy, đội ngũ giáo viên của trường ngày càng vững mạnh, có nhiều giáo viên đạt giáo viên giỏi cấp huyện và cấp tỉnh và luôn được phụ huynh học sinh tin yêu, đặt trọn niềm tin.

6. Thông tin người đại diện

- Họ tên: Trần Thị Thủy Vân

- Chức vụ: P. Hiệu trưởng

- Địa chỉ làm việc: Trường Tiểu học số 1 Quài Nưa, huyện Tuần Giáo, Tỉnh Điện Biên

- Điện thoại: 0397461032

- Gmail: tranthuyvan84@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường: quyết định số 133b/QĐ-UB ngày 15 tháng 8 năm 2001 của UBND huyện Tuần Giáo

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách hội đồng trường.

Quyết định kiện toàn hội đồng trường: số 1841/QĐ- UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Tuần Giáo về việc kiện toàn hội đồng trường các trường tiểu học nhiệm kỳ 2020-2025.

Danh sách hội đồng trường

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ hiện tại	Ghi chú
1.	Trần Thị Thủy Vân	Bí thư CB - P. Hiệu trưởng	CTHĐ
2.	Hoàng Thị Lan	Chủ Tịch Công đoàn	PCTHĐ
3.	Quàng Thị Im	Tổ trưởng CM khối 4,5	Thư kí
4.	Lường Văn Xuân	Tổ trưởng CM khối 2,3	Thành viên
5.	Lò Văn Độ	Bí thư chi đoàn	Thành viên
6.	Lê Thị Chính	Tổ trưởng CM khối 1	Thành viên
7.	Tòng Thị Ngân	Tổ trưởng tổ văn phòng	Thành viên
8.	Quàng Văn Chinh	Ban Đại diện CMHS	Thành viên
9.	Lường Văn Thân	PCT UBND xã Quài Nưa	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

Quyết định bổ nhiệm lại số 0186/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2024 của UBND huyện Tuần Giáo về việc bổ nhiệm lại bà Trần Thị Thủy Vân tiếp tục giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng, Trường TH số 1 Quài Nưa

d) Quy chế tổ chức và hoạt động - Cơ cấu tổ chức nhà trường gồm: hội đồng trường; hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỉ luật; hội đồng tư vấn; tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức Công đoàn; tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; các tổ chuyên môn; tổ văn phòng; lớp học sinh.

+ Hội đồng trường: là tổ chức chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, đảm bảo thực

hiện mục tiêu giáo dục. Hội đồng trường gồm: đại diện tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng, đại diện Công đoàn, đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng phụ trách Đội, đại diện các tổ chuyên môn, đại diện tổ văn phòng. Hội đồng trường có chủ tịch, thư kí và các thành viên khác. Số lượng thành viên của Hội đồng trường từ 7 đến 11 người.

+ Hội đồng thi đua khen thưởng: do Hiệu trưởng thành lập vào đầu mỗi năm học. Hiệu trưởng là Chủ tịch hội đồng thi đua khen thưởng. Các thành viên của hội đồng gồm: Phó Hiệu trưởng, Bí thư Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng phụ trách Đội, các giáo viên chủ nhiệm lớp, tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng.

+ Hội đồng kỉ luật: Hội đồng kỉ luật được thành lập để xét hoặc xóa kỉ luật đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên theo từng vụ việc. Việc thành lập, thành phần và hoạt động của hội đồng kỉ luật được thực hiện theo quy định của pháp luật.

+ Hội đồng tư vấn: Hiệu trưởng thành lập các hội đồng tư vấn để tư vấn giúp hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong hoạt động quản lý và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ. Nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần và thời gian hoạt động của các hội đồng tư vấn do hiệu trưởng quy định.

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và đoàn thể trong trường Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường tiểu học lãnh đạo nhà trường và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật.

+ Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác hoạt động trong trường tiểu học theo quy định của pháp luật nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu, nguyên lí giáo dục.

+ Tổ chuyên môn: bao gồm giáo viên văn hóa, giáo viên bộ môn, nhân viên TV-TB. Mỗi tổ có ít nhất 3 thành viên. Tổ chuyên môn có tổ trưởng, nếu có từ 7 thành viên trở lên thì có một tổ phó.

+ Tổ văn phòng: Nhà trường có một tổ văn phòng gồm các viên chức làm công tác y tế trường học, văn thư, kế toán, và nhân viên khác. Tổ văn phòng có tổ trưởng, tổ phó.

+ Lớp, học sinh: Học sinh được tổ chức theo lớp học với 15 lớp/414 học sinh. Lớp học có lớp trưởng, một hoặc hai lớp phó do tập thể học sinh bầu hoặc do giáo viên chủ nhiệm lớp chỉ định luân phiên trong năm học. Mỗi lớp học có một giáo viên chủ nhiệm phụ trách giảng dạy một hoặc nhiều môn học. Biên chế giáo viên một lớp theo quy định hiện hành của Nhà nước. Mỗi lớp học được chia thành các tổ học sinh. Mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó do học sinh trong tổ bầu hoặc do giáo viên chủ nhiệm lớp chỉ định luân phiên trong năm học.

- Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của trường tiểu học được quy định tại Điều 3 Điều lệ ban hành kèm theo Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT, cụ thể như sau: + Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

+ Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

+ Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

+ Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

+ Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

+ Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

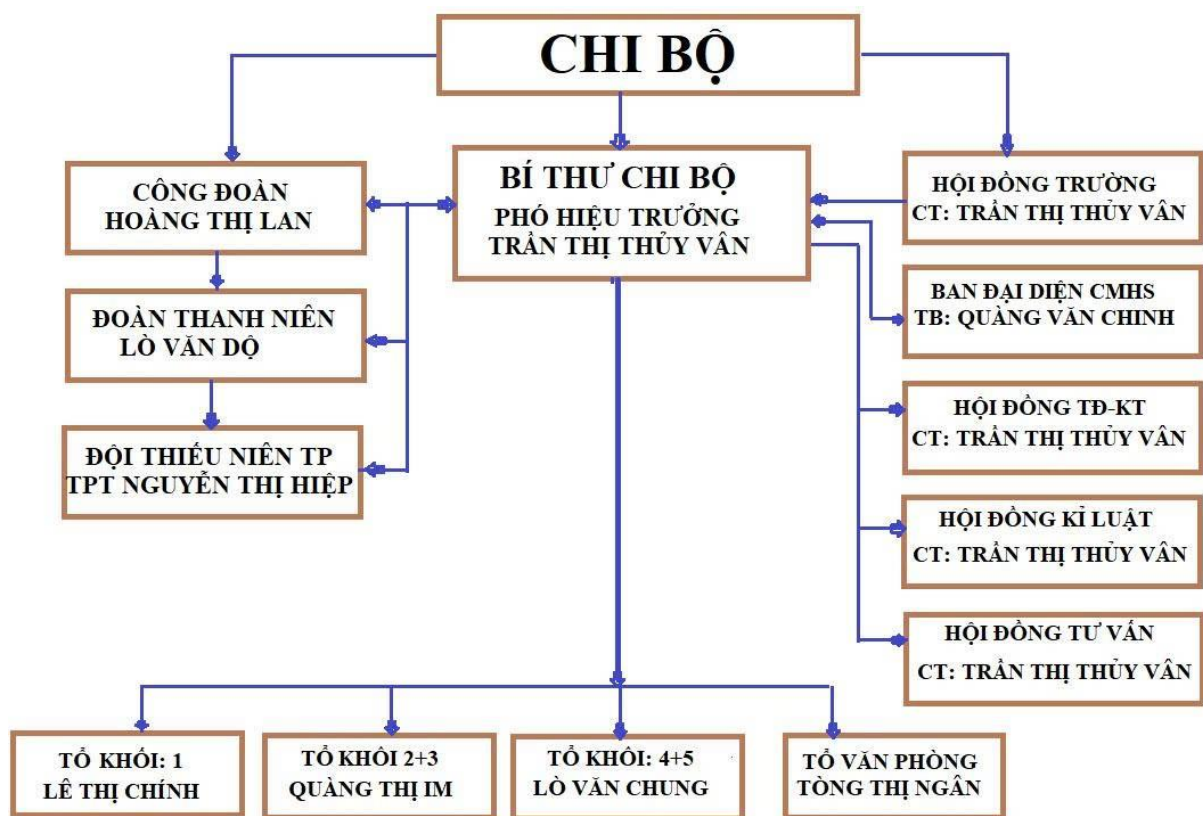
+ Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

+ Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương. Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

+ Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ bộ máy



- Bà Trần Thị Thủy Vân – P. Hiệu trưởng - Số điện thoại: 0397461032
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học số 1 Quài Nưa, Bản Minh Thẳng, xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.
- Địa chỉ thư điện tử: tranthuyvan1984@gmail.com
- 8. Các văn bản khác
- Kế hoạch chiến lược số 09/KH-THS1QN ngày 20/09/2020 của trường Tiểu học Số 1 Quài Nưa về Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020 – 2025.
- Kế hoạch số 35/KH-THS1QN ngày 10/9/2024 của trường Tiểu học số 1 Quài Nưa về KH bồi dưỡng và phát triển đội ngũ
- Quy chế dân chủ: Quyết định số 24/QĐ-THS1QN ngày 22/9/2024 của p. Hiệu trưởng Trường Tiểu học số 1 Quài Nưa về việc ban hành Quy chế dân chủ trong nhà trường.
- Nghị quyết 01/NQ-HĐT-THS1QN ngày 30/08/2024 của Hội đồng trường năm học 2024-2025.
- Quyết định số 02/QĐ-THS1QN ngày 03/01/2025 của Trường Tiểu học Số 1 Quài Nưa về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025
- Quyết định số 02a/QĐ-THS1QN ngày 03/01/2025 của Trường Tiểu học số 1 Quài Nưa về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công trong trường học năm 2025.

- Kế hoạch tuyển sinh: Kế hoạch số 38/KH-THS1QN ngày 25 tháng 7 năm 2024. KH tuyển sinh năm học 2024-2025.

- Quy chế phối hợp: Quyết định số 52/QĐ-THS1QN ngày 27/9/2024 của P. Hiệu trưởng Trường Tiểu học số 1 Quài Nưa về việc ban hành Quy chế dân phối hợp giữa BGH và công đoàn.

- Quy chế văn hóa công sở, quy tắc ứng xử của nhà giáo trong trường học: Quyết định số 51/QĐ-THS1QN ngày 27/9/2024 của P. Hiệu trưởng Trường Tiểu học số 1 Quài Nưa về việc ban hành Quy chế ứng xử văn hóa trong trường học trong nhà trường.

II. Điều 5: THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác): Không có.

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

- Từ tháng 07/2024 đến 30/06/2025 đã chi lương và phụ cấp lương: Lương: 3.264.614.147 đồng; phụ cấp lương: 3.577.186.623 đồng; tiền công theo hợp đồng lao động: 111.210.447 đồng.

- Chi cho các đối tượng:

+ Hỗ trợ chi phí học tập: 550.200.000 đồng

- Chế độ bán trú: 351.936.000 đồng

- Chế độ học sinh khuyết tật: 82.368.000 đồng

+ Chi dịch vụ công cộng, VPP, thông tin liên lạc,: 290.419.831 đồng.

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

Quỹ dụng cụ vệ sinh: 50.000đồng/hs

Tổng cộng thu: 20.700.000 đồng

Tổng cộng chi: 20.700.000 đồng

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Không có.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): không có

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở

Không có

B. Mục 3 CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

I. Điều 8: ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a) Số lượng CBQL, giáo viên và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo:

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	28	0	0	24	3	0	1
I	Cán bộ quản lý	1	0	0	1	0	0	0
1	Phó hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0
II	Giáo viên	22	0	0	21	1	0	0
III	Nhân viên	5	0	0	2	0	0	0
Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung			0		0	0		0
1	Văn thư		0	0		0	0	0
2	Kế toán	1	0	0	1	0	0	0
3	Thủ quỹ		0	0		0	0	0
4	Thư viện	1	0	0		1	0	0
5	Y tế	1	0	0	1	0	0	0
Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ		2	0	0	0	1	0	1
1	Nhân viên bảo vệ	1	0	0	0	0	0	1
3	Nhân viên phục vụ	1	0	0	0	1	0	0

b) Số lượng, tỷ lệ CBQL, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Tổng số	Chuẩn nghề nghiệp			
			Tốt	Khá	Đạt	Kém

	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên					
I	Cán bộ quản lý	1	1	0	0	0
1	Hiệu trưởng	0	0	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1	1	0	0	0
II	Giáo viên	22	16	5	1	0
Tổng cộng		23	17	5	1	0
Tỷ lệ %		100	73,9	21,8	4,3	0

c) Số lượng, tỷ lệ CBQL, Gv hoàn thành BDTX hàng năm

STT	Nội dung	Tổng số	Bồi dưỡng thường xuyên	
			Hoàn thành	Không hoàn thành
	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên			
I	Cán bộ quản lý			
1	Hiệu trưởng	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1	1	0
II	Giáo viên	22	22	0
Tỷ lệ %		100	100	0

2. Thông tin về cơ sở vật chất

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có 01 điểm trường chính và 01 điểm trường lẻ. Tổng diện tích 11.082,5 m²/414HS đạt 28,6m²/HS.

- Trung tâm có diện tích là 9.724.9m² học sinh, trung bình đạt 35 m²/học sinh

- Điểm trường bản Chá có diện tích là 1357.6 m² trung bình đạt 10 m²/học sinh

- Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định; đảm bảo theo quy định Diện tích xây dựng trường, điểm trường bình quân tối thiểu 10m²/HS.

Diện tích bình quân tối thiểu cho 1 HS của trường	Yêu cầu tối thiểu theo quy định (theo 2a Điều 9, chương III Thông tư 13)	So sánh đối chiếu với yêu cầu tối thiểu quy định
28,6m ² /HS	10m ² /HS	Đạt

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng hỗ trợ học tập, khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ, khu sân chơi, thể dục thể thao, khối phục vụ sinh hoạt, hạ tầng kỹ thuật, đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Tên phòng	Hiện trạng	Yêu cầu tối thiểu	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
I	Khối phòng hành chính, quản trị			
1	Phòng Hiệu trưởng	20 m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	2 phòng 20 m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị 1 văn phòng theo quy định hiện hành	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
3	Văn phòng trường	60,16 m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
4	Phòng bảo vệ	12 m ² ở vị trí thuận tiện	Đặt ở vị trí thuận lợi để quan sát	Đạt
5	Khu vệ sinh GV, cán bộ, nhân viên	43,3m ² Có 2 nhà vệ sinh được thiết kế phòng nam, nữ riêng biệt, Phòng Vệ sinh nam có 5 chậu tiểu/7 người, 2 chậu xí/7 người, 1 chậu rửa tay. Phòng vệ sinh nữ : 2 chậu xí /21 người, 5 chậu tiểu/ 21 người, 1 chậu rửa tay/ 21	Bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; số lượng thiết bị: đối với nam 01 chậu tiểu/15 người, 01 chậu xí/20 người, 01 chậu rửa tay/04 chậu xí nhưng không được ít hơn 01; đối với nữ 01 chậu xí/15 người, 01 chậu rửa tay/02 chậu xí nhưng không được ít hơn 01. Trường hợp khu vệ sinh riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận	Đạt

		người	tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường;	
5	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	50m ²	Có mái che và đủ chỗ để xe cho CBQL, giáo viên nhân viên	Đạt
II	Khối phòng học tập			
1	Phòng học	15 lớp/15 phòng bảo đảm mỗi lớp có một phòng học riêng; được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt; hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.	Đảm bảo mỗi lớp có 1 phòng học riêng được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt; hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.	Đạt
2	Phòng học bộ môn			Đạt
a	Âm nhạc	1 phòng = 51,4m ²	Có tối thiểu 1 phòng	Đạt
b	Mĩ Thuật	1 phòng = 39m ²		Đạt
c	Tin học	1 phòng = 43m ²	Có tối thiểu 1 phòng	Đạt
d	Ngoại ngữ	1 phòng = 43m ²	Có tối thiểu 1 phòng	Đạt
e	Phòng đa	1 phòng =	Có tối thiểu 1 phòng	Đạt

	chức năng	148m ²		
III	Khối phòng hỗ trợ học tập			
1	Thư viện	2 phòng (1 phòng ở trung tâm, 1 phòng ở điểm bản Chá) có đầy đủ các trang thiết bị theo quy định	Có tối thiểu 1 phòng, mỗi điểm trường có tủ sách dùng chung; Thư viện tối thiểu có các khu chức năng: kho sách, nơi làm việc của nhân viên TV, khu đọc sách dành riêng cho GV và HS.	Đạt
2	Thiết bị GD	1 phòng, có đầy đủ các trang thiết bị theo quy định	Có tối thiểu 01 phòng; có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường;	Đạt
3	Tư vấn học đường và hỗ trợ GDHKT	1 phòng, bố trí ở tầng 1	Có tối thiểu 1 phòng, bố trí ở tầng 1	Đạt
4	Phòng truyền thống	Kết hợp cùng phòng truyền thống, được trang thiết bị đầy đủ theo quy định	Có tối thiểu 1 phòng trang thiết bị đầy đủ. Có thể kết hợp cùng phòng truyền thống,	Đạt
5	Phòng Đội thiếu niên	1 phòng, được trang thiết bị đầy đủ theo quy định	Có tối thiểu 1 phòng trang thiết bị đầy đủ	Đạt
IV	Khối phòng phụ trợ			
1	Phòng y tế	1 phòng 20m ² bảo đảm có 01 phòng; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh;	Bảo đảm có 01 phòng; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh;	Đạt
2	Nhà kho	2 nhà = 62m ²	Bảo đảm có 01 phòng;	Đạt

			nơi để dụng cụ chung và học phẩm của trường;	
3	Khu để xe học sinh	2 nhà Có mái che; bố trí khu vực gần lối ra/vào	Có mái che; bố trí khu vực để xe cho học sinh khuyết tật gần lối ra/vào;	Đạt
4	Khu vệ sinh học sinh	2 nhà = 120m ² , có phòng vệ sinh riêng biệt cho học sinh nam và nữ , mỗi nhà vệ sinh đều có chỗ rửa tay cho học sinh. Nhà vệ sinh được thiết kế đảm bảo theo quy định. Khu nhà vệ sinh đạt ở nơi phù hợp không làm ảnh hưởng đến môi trường.	Bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, bảo đảm cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng; số lượng thiết bị: đối với nam 01 tiểu nam, 01 xí và 01 chậu rửa cho 30 học sinh (trường hợp làm máng tiểu bảo đảm chiều dài máng 0,6m cho 30 học sinh), có tường/vách ngăn giữa chỗ đi tiểu và xí; đối với nữ 01 xí và 01 chậu rửa cho 20 học sinh. Trường hợp khu vệ sinh riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường;	Đạt
5	Cổng, hàng rào	Khuôn viên của trường, điểm trường phải ngăn cách với bên ngoài bằng tường xây, bảo đảm vững chắc, an toàn. Cổng trường, điểm trường, điểm	Khuôn viên của trường, điểm trường phải ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ (tường xây hoặc hàng rào cây xanh), bảo đảm vững chắc, an toàn. Cổng trường, điểm trường phải kiên cố, vững chắc để gắn	Đạt

		trường phải kiên cố, vững chắc để gắn công và biển tên trường.	công và biển tên trường.	
V. KHU SÂN CHƠI, THỂ DỤC THỂ THAO				
1	Sân chơi	Có 01 sân chơi điểm trung tâm rộng 3000m ² ; 01 sân chơi điểm bán Chá rộng 700m ² , cả 2 điểm trường sân chơi đều được lát gạch bằng phẳng, trên sân trường đều có cây bóng mát	Có một sân chung của nhà trường để tổ chức các hoạt động của toàn trường; sân phải bằng phẳng, có cây xanh bóng mát;	Đạt
2	Sân thể dục thể thao	01 sân rộng 3000m ²	Sân thể dục thể thao bảo đảm an toàn và có dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh.	Đạt
VI. HẠ TẦNG KỸ THUẬT				
1	Hệ thống cấp nước sạch	Có 01 công trình nước sạch, hệ thống thoát nước đảm bảo theo quy định	Hệ thống cấp nước sạch: đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường;	Đạt

2	Hệ thống cấp điện	Bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường	Bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường	Đạt
3	Hạ tầng CNTT, liên lạc	Có điện thoại, hệ thống mạng đảm bảo.	Điện thoại; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường;	Đạt
4	Khu thu gom rác thải	Có 01 khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, đảm bảo theo quy định	Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường.	Đạt

c) Số lượng thiết bị dạy học hiện có, đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Số máy chiếu và ti vi thông minh được dùng để sử dụng trong dạy học cơ bản đáp ứng được nhu cầu dạy và học.

Ngoài ra nhà trường tiếp tục phát động phong trào giáo viên tham gia làm đồ dùng dạy học và khen thưởng động viên những giáo viên có đồ dùng đạt chất lượng phát huy tối đa việc sử dụng vào giảng dạy. Ban giám hiệu và tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, dự giờ đánh giá việc sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học và rút kinh nghiệm sau mỗi giờ dạy.

15/15 bộ đồ dùng tối thiểu theo quy định đảm bảo 1 bộ/lớp, các thiết bị đồ dùng khác đảm bảo so với yêu cầu; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: Đạt

Một số thiết bị dạy học hiện có:

TT	Tên thiết bị	Số lượng	ĐV tính
1	Ti vi	1	cái
2	Nhạc cụ (Đàn organ)	15	cái
3	Máy chiếu	22	cái
4	Máy phô tô	1	cái
5	Tăng âm, loa đài	2	cái

6	Thiết bị khác (Bộ học trực tuyến)	1	Bộ
7	Bàn ghế đúng quy cách của trẻ (Bộ)	250	Bộ
8	Máy tính	30	Bộ
9	Màn hình hiển thị, bảng tương tác	1	Bộ

(Đính kèm phụ lục danh mục thiết bị dạy học chi tiết)

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Danh mục Sách giáo khoa lớp 1 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trong trường Tiểu học số 1 Quài Nưa. Năm học 2020-2021

TT	Bộ sách	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tiếng Việt 1	Bùi Mạnh Hùng, Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, ... ,Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Toán 1	Hà Huy Khoái, Lê Anh Vinh, Nguyễn Áng,...,Bùi Bá Mạnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tự nhiên và xã hội 1	Vũ Văn Hùng, Nguyễn Thị Thán,...,Hoàng Quý Tĩnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đạo đức 1	Nguyễn Thị Toan, Trần Thành Nam, Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Mĩ Thuật 1	Đình Gia Lê, Trần Thị Biển, Phạm Duy Anh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Cánh diều	Âm nhạc 1	Lê Anh Tuấn, Đỗ Thanh Hiên	Nhà xuất bản TPHCM
7	Cánh diều	Giáo dục thể chất 1	Vũ Văn Hùng, Nguyễn Thị Thán,...,Hoàng Quý Tĩnh	Nhà xuất bản TPHCM
8	Cánh diều	Hoạt động trải nghiệm 1	Nguyễn Dục Quang, Nguyễn Thị Thu Hằng, Phạm Quang	Nhà xuất bản TPHCM

			Tiếp, Ngô Quang Quế	
--	--	--	------------------------	--

- Danh mục Sách giáo khoa lớp 2 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trong trường Tiểu học số 1 Quài Nưa. Năm học 2021-2022

TT	Bộ sách	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tiếng Việt 2	Tổng chủ biên: Bùi Mạnh Hùng Chủ Biên: Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương Tác giả: Hồ Hồng Dương- Vũ Thị Thanh Hương - Trịnh Cẩm Lan- Vũ Thị Lan- Trần Kim Phụng- Nguyễn Ngọc Minh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Toán 2	Tổng chủ biên: Hà Huy Khoái, Chủ biên: Lê Anh Vinh Tác giả: Nguyễn Áng-Bùi Bá Mạnh- Vũ Văn Dương- Nguyễn Minh Hải- Hoàng Quế Hương	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đạo đức 2	Tổng chủ biên: Nguyễn Thị Toan Chủ biên: Trần Thành Nam Tác giả: Lê Thị Tuyết Mai- Nguyễn Thị Hoàng Anh - Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tự nhiên và xã hội 2	Tổng chủ biên: Vũ Văn Hùng Chủ biên: Nguyễn Thị Thán Tác giả: Đào Thị Hồng – Phương Hà Lan - Hoàng Quý Tĩnh- Phạm Việt Quỳnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục thể chất 2	Tổng chủ biên: Nguyễn Duy Quyết- Hồ Đắc Sơn Chủ biên: Lê Anh Thơ Tác giả: Đỗ Mạnh Hưng; Vũ Văn Thịnh -Vũ Thị Hồng Thu - Vũ Thị Thu -	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

			Phạm Mai Vương- Nguyễn Thành Chung- Nguyễn Duy Tiến	
6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Âm nhạc 2	Tổng chủ biên: Đỗ Thị Minh Chính- Hoàng Long Chủ biên: Đỗ Thị Minh Chính- Hoàng Long Tác giả: Mai Linh Chi- Nguyễn Thị Phương Mai- Đặng Khánh Nhật- Nguyễn Thị Thanh Vân- Nguyễn Thị Thanh Bình- Nguyễn Thị Nga- Trần Thị Kim Thăng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Mĩ Thuật 2	Tổng chủ biên: Đoàn Thị Mỹ Hương- Đinh Gia Lê Chủ biên: Trần Thị Biền Tác giả: Phạm Duy Anh- Bạch Ngọc Diệp- Trần Thị Thu Trang- Bùi Quang Tuấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoạt động trải nghiệm 2	Tổng chủ biên: Lưu Thu Thủy-Bùi Sỹ Tụng Chủ biên: Nguyễn Thanh Bình Tác giả: Vũ Thị Lan Anh- Lê Thị Luận- Trần Thị Thu- Trần Thị Tổ Oanh- Bùi Thị Liên Hương- Nguyễn Thanh Bình	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	English Discovery	Tiếng Anh 2	CB: Lưu Kim Nhưng- Đỗ Thị Nga	NXB Đại học Sư Phạm

- Danh mục Sách giáo khoa lớp 3 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông
trong trường Tiểu học số 1 Quài Nưa năm học 2022-2023

TT	Bộ sách	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tiếng Việt 3	Tập 1: Tổng Chủ biên; Bùi Mạnh Hùng, Chủ biên : Trần Thị Hiền Lương Tác giả: Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phượng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

			Tập 2: Tổng Chủ biên: Bùi Mạnh Hùng, Chủ biên: Trần Thị Hiền Lương ; Tác giả:Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hào Tâm.	
2	Kết nối tri thức với cuộc sống (gồm 2 tập)	Toán 3	Tổng Chủ biên: Hà Huy Khoái; Chủ biên: Lê Anh Vinh; Tác giả: Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đạo đức 3	Tổng Chủ biên: Nguyễn Thị Toan, Chủ biên, Tác giả: Trần Thành Nam Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tự nhiên và xã hội 3	Tổng Chủ biên:Vũ Văn Hùng, Chủ biên: Nguyễn Thị Thấn; Tác giả: Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục thể chất 3	Tổng Chủ biên: Nguyễn Duy Quyết ; Chủ biên: Nguyễn Hồng Dương Tác giả: Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Âm nhạc 3	Tổng Chủ biên: Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính Chủ biên: Nguyễn Thị Thanh Bình Tác giả:Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Mĩ Thuật 3	Tổng Chủ biên Nguyễn Xuân Nghị, Chủ biên:Trần Thị Biễn, Đoàn Thị Mỹ Hương; Tác giả: Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoạt động trải nghiệm	Tổng Chủ biên :Lưu Thu Thủy, Chủ biên: Nguyễn Thụy Anh, Tác giả: Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		3	Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	
9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Công nghệ 3	Tổng Chủ biên: Lê Huy Hoàng; Chủ biên: Đặng Văn Nghĩa Tác giả: Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	(I-earn-Smatrt Start)	Tiếng Anh 3	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên); Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thị Uyên Sa (Tác giả)	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tin học 3	Tổng chủ biên: Nguyễn Chí Công; Chủ biên: Hoàng Thị Mai Tác giả: Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bích Việt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Danh mục Sách giáo khoa lớp 4 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trong trường Tiểu học số 1 Quài Nưa năm học 2023-2024

TT	Tên sách, bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 4 (Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Giáo dục Việt Nam

2	Toán 4 (Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 4 (Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Giáo dục Việt Nam
4	LS&ĐL 4 (Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương.	Giáo dục Việt Nam
5	Khoa học 4 (Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	Giáo dục Việt Nam
6	Tin học 4		Giáo dục

	(Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đăng Cao Tùng.	Việt Nam
7	Công nghệ 4 (Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục thể chất 4 (Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hung, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	Giáo dục Việt Nam
9	Âm nhạc 4 (Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 4 (Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm	Giáo dục Việt Nam

		Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	
11	Hoạt động trải nghiệm 4 (Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Oanh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tổ Oanh	Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh 4 (i-Learn Smart Start)	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên), Huỳnh Tuyết Mai (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Nguyễn Dương Hoài Thương.	NXBĐHSP TPHCM

Danh mục Sách giáo khoa lớp 5 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trong trường Tiểu học số 1 Quài Nưa năm học 2024-2025

TT	Bộ sách	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tiếng Việt 5	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh cảm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
			Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hào Tâm.	
2	Kết nối tri thức với	Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt

	cuộc sống		Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nam
3	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lịch sử và Địa lí 5	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh..	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tin học 5	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đặng Cao Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Mĩ Thuật 5	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biền, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Kết nối tri thức với cuộc sống	HD trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh 5 (i-Learn Smart Start)	Tiếng Anh 5	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Dương Hoài Thương (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Lê Huỳnh Phương Dung.	NXBDHSP TPHCM

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Năm học 2024-2025: Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 79/79 đạt 100%. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học 89/89 em đạt 100% Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 99,8%.

Hàng năm Nhà trường tiến hành tự đánh giá trường mầm non theo thông tư 19/2018/TT-BGDĐT thông tư 22/2024/TT-BGDĐT và có cải tiến chất lượng sau tự đánh giá phù hợp với thực tiễn nhà trường

Trường TH số 1 Quài Nưa tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3, đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục thông qua các mốc thời gian; kế hoạch

Năm học 2020-2021 trường đạt trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3 và trường chuẩn Quốc Gia mức 2 theo QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc công nhận các trường Mầm non, trường phổ thông đạt kiểm định chất lượng giáo dục và trường chuẩn Quốc gia.

Sau kiểm tra nhà trường đã kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm.

Điều 9: KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PT

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

Hàng năm nhà trường có kế hoạch tuyển sinh vào đầu tháng 8/2024 cụ thể, thành lập hội đồng tuyển sinh theo quy định, tuyên truyền kế hoạch, thời

gian tuyển sinh trên website của nhà trường, trên loa phát thanh của xã Quài Nưa và các các ban ngành của xã, bản trước khi tuyển sinh.

Đối tượng Tuyển sinh: Trẻ trong độ tuổi 6 tuổi sinh (năm 2018) trên địa bàn xã Quài Nưa và địa bàn khác có nhu cầu học tại trường TH số 1 Quài Nưa.

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở Giáo dục;

Nhà trường có kế hoạch giáo dục học sinh đảm bảo phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông 2018, từ khối lớp 1 đến khối lớp 5 phù hợp với thực tiễn của nhà trường.

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội;

Hằng năm nhà trường xây dựng quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình học sinh đảm bảo theo quy định.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục

- Giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh được quan tâm hàng đầu trong việc lồng ghép vào các tiết học, thông qua các hoạt động chính khóa và ngoại khóa. Chú trọng rèn luyện cho học sinh ý thức tự giác học tập, chào hỏi thầy cô, người lớn. Lễ phép, biết yêu thương bạn bè, ông bà cha mẹ, yêu quê hương đất nước; biết giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn, sống nhân hậu, bao dung. Việc giáo dục kỹ năng sống được tiến hành thường xuyên và phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và phụ huynh.

- Về công tác giáo dục lao động đối với học sinh: Học sinh được trải nghiệm từ thực tế hàng ngày qua khâu làm trực nhật, vệ sinh lớp học sạch sẽ, chăm sóc cây xanh trong trường dưới sự hướng dẫn, chỉ bảo của thầy cô. Ngoài ra các em còn được rèn ý thức giữ gìn trường lớp xanh, sạch, đẹp, không vẽ viết lên tường, biết trang trí lớp học...Nhà trường thường xuyên tổ chức cho học sinh tổng vệ sinh trường, lớp để giữ đẹp cảnh quan ngôi trường

- Phong trào văn hóa văn nghệ thể dục thể thao được duy trì khá tốt nhằm nâng cao thể chất cho học sinh. Ngoài việc dạy trong chương trình chính khóa Ban Hoạt động ngoài giờ lên lớp phối hợp tốt với Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh còn tổ chức cho học sinh nhiều hoạt động bổ ích như văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, mừng Đảng mừng xuân, múa hát sân trường, Hội khỏe Phù Đổng, lễ tổng kết cuối năm, ...

- Duy trì tốt việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” do Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động. Trong năm học vừa qua cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh tích cực tham gia các phong trào do trường, các cấp phát động và đã đạt được nhiều thành tích.

2. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục thực tế của năm học 2024-2025:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

Khối	Số lớp	Tuyển sinh	TS HS	Nam	Nữ	HS KT	DT	HS Học 2b/ngày	Chuyển đi	Chuyển đến	Bán trú
1	3	79	79	53	26	3	72	79	1		11
2	3		76	42	34	1	68	76			6
3	3		88	47	41	3	83	88			9
4	3		82	45	37	3	76	82		1	12
5	3		89	51	38	3	80	89			9
Tổng			414	238	176	13	379	414	1	1	47

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.

- Chất lượng Các môn học và hoạt động GD::

Lớp		1	2	3	4	5	Tổng
Tổng số hs		79	76	88	82	89	414
TS HS được đánh giá		76	75	85	79	86	401
Số HS không đánh giá (KT)		3	1	3	3	3	13
Tiếng Việt	HTT	59	58	65	58	79	319
	HT	16	17	20	21	7	81
	CHT	1	0	0	0	0	1
Toán	HTT	59	58	60	58	75	310
	HT	16	17	25	21	11	90
	CHT	1	0	0	0	0	1
Đạo đức	HTT	59	58	62	62	73	314
	HT	16	17	23	18	13	87
	CHT	1	0	0	0	0	1
TN & XH	HTT	59	54	64			177
	HT	16	21	21			58
	CHT	1	0	0			1

Khoa học	HTT	0	0	0	56	80	136
	HT	0	0	0	23	6	29
	CHT	0	0	0	0	0	0
LS & ĐL	HTT	0	0	0	54	65	119
	HT	0	0	0	25	21	46
	CHT	0	0	0	0	0	0
Âm nhạc	HTT	56	55	55	48	63	277
	HT	19	20	30	31	23	123
	CHT	1	0	0	0	0	1
Mĩ thuật	HTT	58	56	55	54	67	290
	HT	17	19	30	29	19	114
	CHT	1	0	0	0	0	1
Kĩ thuật	HTT						0
	HT						0
	CHT						0
Hoạt động trải nghiệm	HTT	56	53	59	54	64	286
	HT	19	22	26	25	22	114
	CHT	1	0	0	0	0	1
Giáo dục thể chất	HTT	58	56	59	53	68	294
	HT	17	19	26	26	18	106
	CHT	1	0	0	0	0	1
Ngoại ngữ	HTT	0	0	60	59	65	184
	HT	0	0	25	23	21	69
	CHT	0	0	0	0	0	0
Công nghệ	HTT	0	0	60	65	69	204
	HT	0	0	25	15	17	51
	CHT	0	0	0	0	0	0
Tin học	HTT			58	67	77	202
	HT			27	16	9	52
	CHT				0	0	0

- Chất lượng Học tập - Năng lực – Phẩm chất

		1	2	3	4	5	Tổng
Tổng số hs		79	76	88	82	89	414
TS HS được đánh giá		76	75	85	80	86	402
Số HS không đánh giá (KT)		3	1	3	3	3	13
Học tập	HTXS	29	21	26	23	25	124
	HHT	26	28	20	21	29	124
	HT	20	26	39	35	32	152
	CHT	1	0	0	0	0	1
Năng lực	T	55	53	51	50	52	261
	Đ	20	22	34	29	34	139
	CCG	1	0	0	0	0	1
Phẩm chất	T	58	57	62	50	62	289
	Đ	17	18	23	29	24	111
	CCG	1	0	0	0	0	1

Khen thưởng cuối năm:

HS xuất sắc: 124 em	29	21	26	23	25	124
HS tiêu biểu : 108 em	19	28	20	17	24	108

- Số HS chưa hoàn thành 1/401 chiếm 0,2%.

- Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: 89/89 đạt 100%

- Học sinh chuyển lớp đạt 98%.

- Học sinh được khen thưởng: 232/401 đạt 57,9%.

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học: 89/89 đạt 100%

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học

sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài: Không

Quài Nưa, ngày 10 tháng 7 năm 2025

P. HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Thủy Vân